

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24/5/2021

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Minh Khánh.

2. Ông Nguyễn Văn Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Lương Thất Tùng - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 24/5/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 về việc “tranh chấp Hôn nhân và gia đình”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2021/QĐXX-ST ngày 19/4/2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 45/2021/QĐ-ST ngày 06/5/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Văn Ph, sinh năm: 1986.

Nơi ĐKKHKT: Thôn Tân Phúc, xã Đào M, huyện Lạng Gi, tỉnh B. (Vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ph1, sinh năm: 1989.

Nơi ĐKKHKT: Thôn Tân Phúc, xã Đào M, huyện Lạng Gi, tỉnh B. (Vắng mặt).

(Hiện đang lao động tại nước ngoài)

Địa chỉ cuối cùng của chị Nguyễn Thị Ph1 tại Việt Nam là Thôn Tân Phúc, xã Đào M, huyện Lạng Gi, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai ngày 15/3/2021, nguyên đơn chị anh Lê Văn Phtrình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Ph1 có được tự do tìm hiểu và được sự nhất trí của hai bên gia đình tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 06/11/2006 tại UBND xã Đào M, huyện Lạng Gi, tỉnh B. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình anh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hợp nhau, không thống nhất trong công việc làm ăn, quan điểm sống không đồng nhất nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Đến tháng 5/2017 do mâu thuẫn vợ chồng nên chị Ph1 đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống và chị Ph1 đã làm thủ tục đi lao động ở nước ngoài và vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay và không liên lạc gì với nhau nữa. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị Ph1.

Về con chung: Anh và chị Ph1 có 02 con chung là cháu Lê Thị U, sinh ngày 10/5/2007 và cháu Lê Thị Minh A, sinh ngày 27/5/2010. Ly hôn anh không đề nghị giải quyết về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Anh chị không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh Ph còn trình bày: Hiện nay chị Ph1 vẫn ở nước ngoài, địa chỉ cụ thể của chị Ph1 ở nước ngoài anh không cung cấp được cho Tòa án được vì anh đã lâu không liên lạc được với chị Ph1, chị Ph1 vẫn liên lạc về gia đình nhưng bố mẹ đẻ chị Ph1 là ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị Ng, trú tại: Thôn Núi Dứa, xã Đào M, huyện Lạng Gi, tỉnh B cũng không cung cấp địa chỉ nên anh không biết để cung cấp cho Tòa án.

Do tính chất công việc nên anh không thể tham gia được các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa anh và chị Ph1 được, nên anh đề nghị Tòa án cho anh được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị Nguyễn Thị Ph1.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Ph1 không có bản tự khai.

Ngày 17/3/2021 và ngày 02/4/2021 Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với bố đẻ của chị Nguyễn Thị Ph1 là ông Nguyễn Văn Vượng, sinh năm 1964; trú tại: Thôn Núi Dứa, xã Đào M, huyện Lạng Gi, tỉnh B để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu ông V thông báo cho chị Ph1 biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Lê Văn Ph và chị Nguyễn Thị Ph1; yêu cầu chị Ph1 viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; yêu cầu ông V cung

cấp địa chỉ cụ thể của chị Ph1 ở nước ngoài. Tuy nhiên, qua 2 lần làm việc ông Vv vẫn giữ nguyên quan điểm là chị Ph1 ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng ông không cung cấp địa chỉ cụ thể của chị Ph1 ở nước ngoài cho Tòa án, vì đây là việc cá nhân của chị Ph1, đồng thời ông cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị Ph1 biết để chị Ph1 gửi lời khai về. Chị Ph1 có quan điểm thông qua ông là:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Ph1 đồng ý ly hôn với anh Ph.
- Về con chung: Chị Ph1 không đề nghị giải quyết.
- Về tài sản chung, công nợ: Chị Ph1 xác định không có, không đề nghị giải quyết.

Kể từ đó đến nay, Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của chị Ph1 gửi về.

Tại phiên tòa nguyên đơn anh Lê Văn Ph vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Nguyễn Thị Ph1 vắng mặt không có lý do.

Hội đồng xét xử công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh Ph; Biên bản làm việc với bố đẻ của chị Ph1 là ông Nguyễn Văn Vv và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đối với nguyên đơn anh Lê Văn Ph có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chị Nguyễn Thị Ph1 không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với chị Nguyễn Thị Ph1; Căn cứ vào quy định của pháp luật xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Ph1 là đúng.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 53, 56 và khoản 2 Điều 123 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn Ph. Xử cho anh Lê Văn Ph được ly hôn chị Nguyễn Thị Ph1.

Anh Lê Văn Ph phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về thủ tục tố tụng:** Anh Lê Văn Ph là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh Lê Văn Ph.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Ph1 vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án nhân dân tỉnh B đã tiến hành làm việc với bố đẻ của chị Ph1 là ông Nguyễn Văn Vđể giao thông báo thụ lý vụ án, yêu cầu ông Vthông báo cho chị Ph1 biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh B đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Lê Văn Ph với chị Nguyễn Thị Ph1, yêu cầu ông Vcung cấp địa chỉ cụ thể của chị Ph1 ở nước ngoài. Ông Nguyễn Văn Vtrình bày: Chị Ph1 vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà ông Vvẫn không cung cấp địa chỉ, tin tức của chị Ph1 cho Tòa án, cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị Ph1 biết. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao; khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị Ph1 theo thủ tục chung.

[2]. **Về thẩm quyền:** Anh Lê Văn Ph là nguyên đơn có đơn xin ly hôn chị Nguyễn Thị Ph1, chị Ph1 hiện đang lao động tại nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ (theo Công văn số 4787/QLXNC – P5 v/v cung cấp thông tin xuất nhập cảnh ngày 04/3/2021 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an), thì chị Ph1 xuất nhập cảnh 03 lần, xuất cảnh gần đây nhất là ngày 17/6/2018 hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước, địa chỉ cuối cùng của chị Ph1 ở Việt Nam là: Thôn Tân Phúc, xã Đào M, huyện Lạng Gi, tỉnh B. Như vậy, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Anh Lê Văn Ph và chị Nguyễn Thị Ph1 kết hôn năm 2006 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đào M, huyện Lạng Gi, tỉnh B. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh Ph trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình anh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, trong quá trình chung sống vợ chồng không hợp nhau không thống nhất trong công việc làm ăn, quan điểm sống không đồng nhất nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Đến tháng 5/2017 do mâu thuẫn vợ chồng nên chị Ph1 đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống và chị Ph1 đã làm thủ tục đi lao động ở nước ngoài và vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay và không liên lạc gì với nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được với nhau nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị Ph1.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Lê Văn Ph. Hội đồng xét xử thấy: Anh Ph và chị Ph1 kết hôn năm 2006, quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến chị Ph1 bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và sau đó đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài, kể từ đó vợ chồng đã sống ly thân với nhau không quan tâm đến nhau và không liên lạc gì với nhau nữa. Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Ph và chị Ph1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn Ph. Xử cho anh Lê Văn Ph được ly hôn chị Nguyễn Thị Ph1.

[4]. Về nuôi con chung: Anh Ph và chị Ph1 có 02 con chung là cháu Lê Thị U, sinh ngày 10/5/2007 và cháu Lê Thị Minh A, sinh ngày 27/5/2010. Hiện nay, hai cháu đang ở với chị Ph1 và ông bà ngoại. Do vậy, anh không đề nghị giải quyết về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]. Về tài sản, công nợ: Anh Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Anh Lê Văn Ph phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh B.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153; khoản 4 điểm c khoản 5 Điều 477; Điều 271; Điều 273; khoản 1 khoản 3 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27; Điều 44 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Lê Văn Ph được ly hôn với chị Nguyễn Thị Ph1.

2.Về án phí: Anh Lê Văn Ph phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000901 ngày 15/3/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Xác nhận anh Lê Văn Ph đã nộp đủ.

3.Về quyền kháng cáo bản án: Anh Lê Văn Ph vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Chị Nguyễn Thị Ph1 hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo Bản án là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B;
- Cục THADS tỉnh B;
- UBND xã Đào M, Lạng Giang.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hà
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Minh Khánh Nguyễn Văn Chiến

Trần Thị Hà

